

LỖI THANH ĐIỀU CỦA NGƯỜI VIỆT KHI HỌC TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI**Đào Mạnh Toàn¹****Lê Hồng Châu²****Huỳnh Ngọc Tuyết Cương³**¹Trường Đại học Đồng Nai²Đại học Nghĩ Thu, Đài Loan³Đại học Ngoại ngữ Văn Tảo, Đài Loan

*Tác giả liên hệ: Đào Mạnh Toàn - Email: toan.daomanh@gmail.com

(Ngày nhận bài: 13/10/2025, ngày nhận bài chỉnh sửa: 21/10/2025, ngày duyệt đăng: 24/10/2025)

TÓM TẮT

Tiếng Việt và tiếng Hán hiện đại là hai ngôn ngữ cùng loại hình, giữa hai ngôn ngữ này có nhiều điểm tương đồng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Tuy vậy, giữa hai ngôn ngữ này cũng có một số điểm dị biệt. Những khác biệt này đã và đang gây ra những khó khăn nhất định cho người Việt khi học tiếng Hán như một ngoại ngữ. Bài viết này sẽ bước đầu khái quát những lỗi thường gặp của người Việt khi học ngữ âm tiếng Hán hiện đại (tập trung vào những loại lỗi về thanh điệu và hiện tượng ngôn điệu); từ đó, phân tích nguyên nhân và đề xuất cách sửa lỗi để việc giảng dạy, học tập ngữ âm tiếng Hán hiện đại của người Việt được tốt hơn.

Từ khóa: Ngữ âm tiếng Hán hiện đại, lỗi về thanh điệu, hiện tượng biến đổi thanh điệu, hiện tượng ngôn điệu

1. Mở đầu

Tiếng Việt và tiếng Hán hiện đại (THHĐ) là 2 ngôn ngữ cùng loại hình đơn lập, âm tiết tính. Giữa hai ngôn ngữ có rất nhiều điểm tương đồng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Văn hóa, phong tục tập quán giữa hai dân tộc cũng có nhiều điểm giống nhau. Những nét tương đồng này dẫn đến một hệ quả là khi học ngoại ngữ (khi người Việt học THHĐ và khi người Hán học tiếng Việt) sẽ có nhiều thuận lợi vì quá trình chuyển di tích cực sẽ xảy ra. Người học sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian, công sức trong việc thụ đắc một ngôn ngữ cùng loại hình.

Tuy là vậy, giữa hai ngôn ngữ này vẫn tồn tại một số điểm dị biệt nhất định. Những điểm dị biệt này tồn tại ở cả địa hạt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Nó dẫn đến một số chuyển di tiêu cực khi học

ngoại ngữ, gây ra những khó khăn nhất định cho người học.

Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu đi vào khái quát hóa, thống kê, phân tích, phân loại và giải thích một số lỗi cơ bản, thường gặp của người Việt khi học ngữ âm của THHĐ - lỗi về thanh điệu và lỗi về các hiện tượng ngôn điệu cơ bản, thường gặp trong THHĐ. Đối tượng khảo sát là sinh viên Ngữ văn, ngôn ngữ Anh các khóa 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 với khoảng 500 sinh viên. Phương pháp thu thập dữ liệu là thông qua các bài kiểm tra ngữ âm trên lớp và bài thi cuối kì (chủ yếu là qua học phần Tiếng Trung 1 và Tiếng Trung 2). Tiêu chí phân loại lỗi là dựa trên mô hình cấu trúc âm tiết tiếng Hán và việc thể hiện đúng/sai các hiện tượng ngôn điệu cơ bản trong THHĐ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Âm tiết tiếng Hán hiện đại - cơ sở nhận diện, phân tích lỗi về ngữ âm của người Việt khi học tiếng Hán hiện đại

Cũng như tiếng Việt, âm tiết trong THHĐ là đơn vị phát âm tự nhiên, dễ nhận biết và là cơ sở để nhận diện, phân loại các kiểu lỗi về ngữ âm khi học THHĐ. Ở dạng đầy đủ, cấu trúc của THHĐ có thể hình dung như hình 1:

THANH ĐIỀU	
THANH MẪU	VẬN MẪU

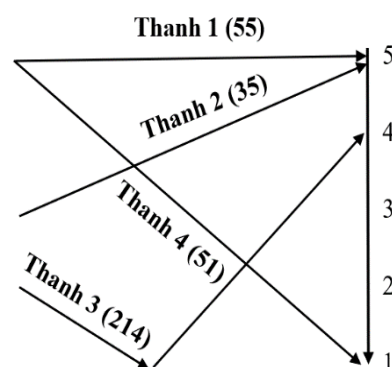
Hình 1: Sơ đồ âm tiết tiếng Hán

Cùng với cấu trúc của âm tiết THHĐ, những hiện tượng khác như: (i) Hiện tượng biến đổi thanh điệu; (ii) Hiện tượng vận mẫu er (兒) cũng là những đối tượng thuộc về ngữ âm của THHĐ, và cũng là đối tượng mà chúng tôi quan tâm, tìm hiểu. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung thống kê, phân loại những kiểu lỗi thường gặp của người Việt về thanh điệu và các hiện tượng ngôn điệu mà có ý nghĩa đối với việc dạy và học THHĐ, song song với việc thống kê, phân loại chúng tôi cũng sẽ đi tìm nguyên nhân và đề ra cách khắc phục những kiểu lỗi này.

2.2. Một số kiểu lỗi về thanh điệu của người Việt khi học ngữ âm tiếng Hán hiện đại

Cũng như trong tiếng Việt, thanh điệu là một bộ phận cấu thành bắt buộc trong cấu trúc âm tiết của THHĐ. Thanh điệu (dấu giọng) trong THHĐ cũng có chức năng khu biệt nghĩa và thuộc loại thanh điệu hình tuyến. Nếu như số lượng thanh điệu của tiếng Việt là 6 thanh (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng, thanh ngang) thì THHĐ hiện nay chấp nhận giải pháp

4 thanh điệu: thanh 1 (Âm bình, có cao độ 55); thanh 2 (Dương bình, có cao độ 35); thanh 3 (Thượng thanh, có cao độ 214); thanh 4 (Khứ thanh, có cao độ 51) (chi tiết xem hình 2).



Hình 2: Bản đồ đường nét và cao độ của các thanh

Trong quá trình giảng dạy THHĐ cho sinh viên Ngữ văn, Ngôn ngữ Anh (các khoá 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) của Trường Đại học Đồng Nai, chúng tôi thống kê, phân loại được những kiểu lỗi về thanh điệu sau đây:

2.2.1. Kiểu lỗi thanh điệu đầu tiên là kiểu lỗi nhầm lẫn giữa thanh 4 trong THHĐ (có cao độ 51) với thanh huyền hoặc thanh nặng trong tiếng Việt

Đây là kiểu lỗi mà bất cứ người Việt nào khi học THHĐ ở giai đoạn đầu cũng đều mắc phải. Nguyên nhân của việc nhầm lẫn thanh 4 với thanh huyền là vì thanh huyền trong tiếng Việt có hình thức giống với thanh 4 của THHĐ (lỗi do thị giác gây ra), từ đó dẫn tới việc đọc thanh 4 trong THHĐ (có cao độ 51) như thanh huyền (có cao độ 32) trong tiếng Việt.

Một biểu hiện khác của người Việt là đọc thanh 4 trong THHĐ (có cao độ 51) thành thanh nặng của tiếng Việt (có

cao độ 31). Đây là kiểu lỗi do thính giác gây ra.

Cách khắc phục loại lỗi này là cần mô tả kĩ hình dạng, cao độ của các thanh trong tiếng Việt và THHĐ, giúp học viên tránh được nhầm lẫn và khắc phục được quá trình chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ sang THHĐ.

2.2.2. Kiểu lỗi về thanh điệu thứ hai người Việt thường mắc phải là thể hiện không tốt hiện tượng biến thanh (biến điệu) trong THHĐ

Bàn về hiện tượng này, Hoàng Thị Châu (1989) cho rằng: “Trong chuỗi lời nói, khi các âm tiết kết hợp với nhau có thể gây ảnh hưởng lẫn nhau làm cho các thanh điệu không còn giữ được nguyên như cũ. Những thay đổi này gọi là biến điệu” (tr. 363). Trong bài viết này, chúng tôi cho rằng: “*Biến điệu (變調) là hiện tượng thanh điệu của các âm tiết khi xuất hiện trong chuỗi lời nói, do ảnh hưởng của các âm tiết và thanh điệu xung quanh mà thanh điệu ban đầu có sự thay*

đổi theo quy luật”. Sự thay đổi này ngoài việc bảo đảm tính có quy luật về mặt ngữ âm, còn đạt được sự thuận miệng và tự nhiên trong ngữ điệu. Hiện tượng biến thanh (biến điệu) trong THHĐ gặp cả ở cấp độ từ vựng như 手錶 /shǒubiǎo/: *đồng hồ đeo tay*... và còn gặp cả ở cấp độ câu như: 我想你 /wǒ xiǎng nǐ/: *anh nhớ em*, 你好 /nǐ hǎo/: *chào anh/chị*....

Kiểu lỗi này bao gồm các tiểu loại sau:

2.2.2.1. Thể hiện không đúng quy tắc biến thanh của những âm tiết mang thanh ba đi liền nhau

Trong THHĐ, sự biến thanh (biến điệu) của những âm tiết mang thanh 3 đi liền nhau sẽ có những trường hợp có quy tắc/bất quy tắc (bắt buộc và tùy ý) sau:

+ **Nếu cụm từ/câu có 2 âm tiết/từ mang thanh 3 đi liền nhau**, thanh 3 thứ nhất đổi thành gần giống thanh 2, từ độ cao 214 đổi thành độ cao 34, thanh 3 thứ hai vẫn giữ nguyên cao độ và âm sắc. Ví dụ:

Cụm từ/câu làm ví dụ		Cách đọc chuẩn (theo quy tắc)	Nghĩa
友好	/yǒu hǎo/	/yóu hǎo/	thân thiện
雨水	/yǔ shuǐ/	/yú shuǐ/	nước mưa
你好	/nǐ hǎo/	/ní hǎo/	chào anh/chị
輔導	/fǔ dǎo/	/fú dǎo/	phụ đạo
瞭解	/liǎo jiě/	/liáo jiě/	hiểu rõ
討好	/tǎo hǎo/	/táo hǎo/	lấy lòng
可以	/kě yǐ/	/ké yǐ/	có thể
語法	/yǔ fǎ/	/yú fǎ/	ngữ pháp
手錶	/shǒu biǎo/	/shóu biǎo/	đồng hồ đeo tay
雨傘	/yǔ sǎn/	/yú sǎn/	cái ô đi mưa

+ **Nếu cụm từ/câu có 3 âm tiết/từ, đều mang thanh 3 đi liền nhau** thì căn cứ vào tốc độ nói và chỗ ngừng ngắt để đọc biến điệu. Thông thường thì âm

tiết/từ mang thanh 3 nào đứng ở vị trí có ngừng ngắt thì giữ nguyên cao độ và âm sắc, âm tiết/từ mang thanh 3 còn lại đọc thành thanh 2. Ví dụ:

Cụm từ/câu làm ví dụ	Cách đọc [bất quy tắc]	Nghĩa
洗臉水 /xǐ liǎn shuǐ/	(1) /xǐ liǎn shuǐ/ (2) /xǐ liǎn shuǐ/	nước rửa mặt
我很好 /wǒ hěn hǎo/	(1) /wǒ hén hǎo/ (2) /wǒ hén hǎo/	tôi rất khỏe
小老虎 /xiǎo lǎo hǔ/	(1) /xiǎo lǎo hǔ/ (2) /xiǎo lǎo hǔ/	con hổ con
我想你 /wǒ xiǎng nǐ/	(1) /wǒ xiáng nǐ/ (2) /wǒ xiáng nǐ/	anh nhớ em

+ **Nếu cụm từ/câu có 4 âm tiết/từ đều mang thanh 3 đi liền nhau** cũng xử lý như trường hợp hai âm tiết/từ đi liền nhau mà cùng mang thanh 3. Cụ thể như sau, những thanh 3 ở vị trí lẻ đổi thành

gần giống thanh 2, từ độ cao 214 đổi thành độ cao 34, những thanh 3 ở vị trí chẵn vẫn giữ nguyên cao độ và âm sắc. Ví dụ:

Cụm từ/câu làm ví dụ	Cách đọc [theo quy tắc]	Nghĩa
買把雨傘 /mǎi bǎ yǔ sǎn/	/mǎi bǎ yú sǎn/	mua cái ô
我想買水 /wǒ xiǎng mǎi shuǐ/	/wǒ xiǎng mǎi shuǐ/	tôi muốn mua nước
我也很好 /wǒ yě hěn hǎo/	/wǒ yě hén hǎo/	tôi cũng rất khỏe
你也很美 /nǐ yě hěn měi/	/ní yě hén měi/	em cũng rất đẹp
我也想你 /wǒ yě xiǎng nǐ/	/wǒ yě xiáng nǐ/	anh cũng nhớ em

+ **Những trường hợp khác liên quan tới biến điệu của thanh 3:** nếu thanh 3 kết hợp với thanh 1, 2, 4 thì thanh 3 chỉ còn một nửa độ cao vốn có, từ 214 đổi thành 212 còn thanh điệu của âm tiết thứ hai vẫn giữ nguyên (**trường hợp bắt buộc**).

Ví dụ:

體操 /tǐ cāo/ 212 + 55 thể dục, thể thao

演員 /yǎn yuán/ 212 + 35 diễn viên

領會 /lǐng huì/ 212 + 51 lĩnh hội

+ Nếu thanh 3 kết hợp với một thanh nhẹ (**trường hợp tùy ý**) thì có hai cách đọc:

- Thanh 3 đầu tiên đổi thành thanh 2, từ độ cao 214 chuyển thành 34 sau đó đọc tiếp thanh nhẹ.

Ví dụ:

打掃 /dǎ sǎo/ có thể đọc /dǎ sao/ 34

+ thanh nhẹ *quét dọn*

小姐 /xiǎo jiě/ có thể đọc /xiǎo jiě/

34 + thanh nhẹ *tiểu thư*

- Thanh 3 đầu tiên chỉ giữ một nửa độ cao vốn có, từ 214 đổi thành 212 (giống thanh hỏi của tiếng Việt) sau đó đọc tiếp thanh nhẹ.

Ví dụ:

打掃 /dǎ sǎo/ có thể đọc /dǎ sao/ 212

+ thanh nhẹ *quét dọn*

小姐 /xiǎo jiě/ có thể đọc /xiǎo jie/

212 + thanh nhẹ *tiểu thư*

一天 đọc là /yī tiān/ *một ngày*

一種 đọc là /yī zhǒng/ *một loại*

一本 đọc là /yī běn/ *một quyển*

一根 đọc là /yī gēn/ *một que*

一籌莫展 đọc là /yī chóu mò zhǎn/ *vô kế khả thi*

耳目一新 đọc là /ěr mù yī xīn/ *hoàn toàn mới mẻ*

Do thói quen đọc thanh điệu trong tiếng Việt (có thanh nào thì đọc thanh đó) nên người Việt gặp trường hợp từ/câu... có nhiều thanh 3 đi liền nhau hay đọc sai. Cách khắc phục kiểu lỗi này là chỉ rõ quy luật như đã trình bày ở trên, người dạy phải soạn và yêu cầu người học thực hành thêm trên những mẫu được người dạy cung cấp để khắc sâu, ghi nhớ. Đặc biệt lưu ý tới những trường hợp bắt buộc có tính quy luật đã trở thành quy tắc, có giá trị trong dạy và học.

2.2.2.2. *Thể hiện không đúng quy tắc biến điệu của chữ “一”*

Chữ “一” trong THHĐ có ba trường hợp có biến điệu:

a) Nếu đứng trước âm tiết/từ mang thanh 1, 2, 3 thì chữ “一” sẽ được đọc thành thanh 4. Ví dụ:

一年 đọc là /yī nián/ *một năm*

一層 đọc là /yī céng/ *một tầng*

一成 đọc là /yī chéng/ *10%*

一生 đọc là /yī shēng/ *một đời*

略勝一籌 đọc là /lüè shèng yī chóu/ *hơn người một bậc*

渾然一體 đọc là /hún rán yī tǐ/ *trọn vẹn một khối*

b) Nếu đứng trước âm tiết/từ mang thanh 4, chữ “一” sẽ được đọc thành thanh 2. Ví dụ:

一定 đọc là /yí dìng/ *nhất định*

一個 đọc là /yí gè/ *một cái*

一技之長 đọc là /yí jì zhī cháng/ *một nghề cho chín còn hơn chín nghề*

一寸 đọc là /yí cùn/ *một inch*

一路平安 đọc là /yí lù píng ān/ *thượng lộ bình an*

一事無成 đọc là /yí shì wú chéng/ *không việc gì thành*

c) Khi chữ “一” được phân bố giữa những động từ lặp lại thì đọc với thanh nhẹ.

Cụm từ/câu làm ví dụ	Cách đọc	Nghĩa
看一看 /kàn yī kàn/	/kàn yī kàn/	xem thử
猜一猜 /cāi yī cāi/	/cāi yī cāi/	đoán thử
聽一聽 /tīng yī tīng/	/tīng yī tīng/	nghe thử
想一想 /xiǎng yī xiǎng/	/xiǎng yī xiǎng/	nghĩ thử
問一問 /wèn yī wèn/	/wèn yī wèn/	hỏi thử
試一試 /shì yī shì/	/shì yī shì/	thử một chút
讀一讀 /dú yī dú/	/dú yī dú/	đọc thử
寫一寫 /xiě yī xiě/	/xiě yī xiě/	viết thử
說一說 /shuō yī shuō/	/shuō yī shuō/	nói thử
找一找 /zhǎo yī zhǎo/	/zhǎo yī zhǎo/	tìm thử
玩一玩 /wán yī wán/	/wán yī wán/	chơi thử

Trong quá trình học THHD, đặc biệt là ở giai đoạn đầu, người Việt thường có xu hướng nhất loạt đọc chữ (一) thành thanh 1 trong THHD hoặc đọc thành thanh ngang trong tiếng Việt. Cách khắc phục kiểu lỗi này là chỉ rõ các trường hợp biến điệu của chữ (一) như đã trình bày ở trên, người dạy phải soạn và yêu cầu người học thực hành thêm trên những mẫu được người dạy cung cấp để khắc sâu, ghi nhớ.

不多 đọc là /bù duo/ không nhiều

不久 đọc là /bù jiǔ/ không lâu

不聽 đọc là /bù tīng/ không nghe

不想 đọc là /bù xiǎng/ không muốn...

2.2.2.3. Thể hiện không đúng quy tắc biến điệu của chữ “不”

a) Chữ “不” khi đứng trước những âm tiết/từ mang thanh 1, thanh 2 và thanh 3, thì chữ: “不” không thay đổi thanh điệu, vẫn đọc là thanh 4; còn khi chữ “不” đứng ở vị trí số hai, cuối từ song tiết, thì chữ “不” cũng được đọc với thanh 4. Ví dụ:

不甜 đọc là /bù tián/ không ngọt

何不 đọc là /hé bù/ sao không

不學 đọc là /bù xué/ không học

不好 đọc là /bù hǎo/ không tốt

不吃 đọc là /bù chī/ <i>không ăn</i>	不行 đọc là /bù xíng/ <i>không được</i>
不能 đọc là /bù néng/ <i>không thể</i>	不喝 đọc là /bù hē/ <i>không uống</i>
鍥而不捨 đọc là /qiè ér bù shě/ <i>kiên trì bền bỉ</i>	局促不安 đọc là /jú cù bù ān/ <i>lo lắng không yên</i>
長生不老 đọc là /cháng shēng bù lǎo/ <i>trường sinh bất lão</i>	不成體統 đọc là /bù chéng tǐ tǒng/ <i>không ra thể thống gì</i>
永垂不朽 đọc là /yǒng chuī bù xiǔ/ <i>đời đời bất diệt</i>	不聲不響 đọc là /bù shēng bù xiǎng/ <i>lặng tiếng im lòi</i>
喋喋不休 đọc là /dié dié bù xiū/ <i>nói không ngừng nghỉ</i>	

Nhưng trong 2 trường hợp sau thì sẽ có biến điệu:

b) Khi đứng trước âm tiết mang thanh 4, chữ “不” đọc thành thanh 2. Ví dụ:

不論 đọc là /bú lùn/ <i>bất luận, dù cho</i>	不記名 đọc là /bú jì míng/ <i>không nhớ tên</i>
不去 đọc là /bú qù/ <i>không đi</i>	不要 đọc là /bú yào/ <i>đừng</i>
不會 đọc là /bú huì/ <i>không thể</i>	不是 đọc là /bú shì/ <i>không phải</i>
不看 đọc là /bú kàn/ <i>không xem</i>	不對 đọc là /bú duì/ <i>không đúng</i>
不共戴天 đọc là /bú gòng dài tiān/ <i>không đội trời chung</i>	不動聲色 đọc là /bú dòng shēng sè/ <i>ung dung thản nhiên</i>
孜孜不倦 đọc là /zī zī bú juàn/ <i>cố gắng không mệt mỏi</i>	堅持不懈 đọc là /jiān chí bú xiè/ <i>kiên trì bền bỉ</i>
執迷不悟 đọc là /zhí mí bú wù/ <i>chấp mê bất ngộ</i>	視而不見 đọc là /shì ér bú jiàn/ <i>ngoảnh mặt làm ngơ</i>

c) Chữ “不” đứng trong câu hỏi thể nghi vấn chính phủ thì đọc thành thanh nhẹ.

Ví dụ:

吃不吃 đọc là /chī bu chī/ <i>có ăn hay không?</i>	猜不著 đọc là /cāi bu zháo/ <i>đoán không ra</i>
去不去 đọc là /qù bu qù/ <i>đi không?</i>	来不来 đọc là /lái bu lái/ <i>đến không?</i>
喜不喜歡 đọc là /xǐ bu xǐhuan/ <i>thích không?</i>	懂不懂 đọc là /dǒng bu dǒng/ <i>hiểu không?</i>

- Thể hiện không đúng thanh nhẹ (Khinh thanh)

Thanh nhẹ là một hiện tượng đặc biệt của ngữ âm THHD. Trong câu hoặc trong từ có những âm tiết được đọc nhẹ và ngắn hơn bình thường do đó mất đi trường độ và âm sắc vốn có của nó, được gọi chung là các âm tiết mang thanh nhẹ. Các âm tiết này không ghi dấu thanh điệu

- Sau thanh 1, thanh nhẹ đọc ở độ cao 2. Ví dụ:

丫頭 /yā tou/ *con nha đầu, người hầu gái* 公道 /gōng dao/ *công bằng, hợp lý*

功夫 /gōng fu/ *thời gian*

窗戶 /chuāng hu/ *cửa sổ*

- Sau thanh 2, thanh nhẹ đọc ở độ cao 3. Ví dụ:

饅頭 /mán tou/ *bánh bao không nhân* 鼻子 /bí zi/ *cái mũi*

鋤頭 /chú tou/ *cái cuốc*

- Sau thanh 3, thanh nhẹ đọc ở độ cao 4. Ví dụ:

碼頭 /mǎ tou/ *bến tàu*

小氣 /xiǎo qì/ *keo kiệt*

老婆 /lǎo po/ *vợ*

馬虎 /mǎ hu/ *qua loa, cầu thả*

裡頭 /lǐ tou/ *bên trong*

- Sau thanh 4, thanh nhẹ đọc ở độ cao 1. Ví dụ:

罐頭 /guàn tou/ *đồ hộp*

被子 /bèi zi/ *cái chăn, cái mền*

褲子 /kù zi/ *cái quần*

Các âm tiết có thanh nhẹ không chỉ thay đổi về âm vực mà còn ảnh hưởng cả đến vận mẫu, các nguyên âm cao hay nguyên âm thấp đều có xu hướng biến thành nguyên âm giữa, thậm chí những

媽媽 /mā ma/ *mẹ*

麻煩 /má fan/ *phiền phức*

棉花 /mián hua/ *bông*

桌子 /zhuō zi/ *cái bàn*

他們 /tā men/ *bọn họ*

我們 /wǒ men/ *chúng tôi*

衣服 /yī fu/ *y phục*

hoặc có thể đề số không nhỏ trên đầu âm tiết. Ví dụ: 好吧 /hǎo ba/ hay là /hao ba/.

Cần lưu ý thanh nhẹ không phải là thanh thứ 5, thanh nhẹ cũng không giống như thanh không dấu trong tiếng Việt. Cách đọc thanh nhẹ hoàn toàn phụ thuộc vào thanh điệu của âm tiết đứng trước nó, cụ thể là:

vận mẫu là các nguyên âm có vị trí phát âm tương tự như các phụ âm sát hoặc tắc sát đi kèm với thanh nhẹ đều bị nhược hóa hoàn toàn. Ví dụ:

姐夫 /jiě fu/ *anh rể*

官司 /guān si/ *kiện tụng*

回來 /huí lai/ *trở về*

房子 /fáng zi/ *căn nhà*

人們 /rén men/ *mọi người*

弟弟 /dì di/ *em trai*

兒子 /ér zi/ *con trai*

喜歡 /xǐ huan/ *thích*認識 /rèn shi/ *quen biết*先生 /xiān sheng/ *tiên sinh*朋友 /péng you/ *bạn bè*晚上 /wǎn shang/ *buổi tối*漂亮 /piào liang/ *xinh đẹp*

a) Trong THHĐ, thanh nhẹ có một số tác dụng như sau:

a1) Có khả năng khu biệt ý nghĩa. Ví dụ:

東西 /dōng xī/ *phía đông và phía tây*

#

東西 /dong xi/ *đồ vật*刑法 /xíng fǎ/ *luật hình sự*

#

刑法 /xíng fa/ *hình phạt*男人 /nán rén/ *người đàn ông*

#

男人 /nán ren/ *chồng*

a2) Có khả năng khu biệt từ loại của từ và ý nghĩa. Ví dụ:

言語 /yán yǔ/ (danh từ) *lời nói*

#

言語 /yán yu/ (động từ) *trả lời, chào hỏi*大意 /dà yì/ (danh từ) *đại ý, ý chính*

#

大意 /dà yi/ (tính từ) *sơ xuất, vô tâm*大大 /dà dà/ (phó từ) *rất, cực kỳ*

#

大大 /dà da/ (danh từ) *bá phụ, bác trai*結實 /jiē shí/ (động từ) *kết trái, có quả*

#

結實 /jiē shi/ (tính từ) *kiên cố, khỏe mạnh*活動 /huó dòng/ (danh từ) *hoạt động*

#

活動 /huó dong/ (động từ) *vận động*

a3) Sử dụng thanh nhẹ một cách thích hợp có thể khiến cho lời nói có âm điệu hài hoà, trầm bổng lưu loát, có nhạc tính cao. Việc đọc một số âm tiết với thanh nhẹ đã trở thành thói quen của người bản ngữ.

b) Trong tiếng Phổ thông, thanh nhẹ thường được sử dụng trong các trường hợp sau:

b1) Các trợ từ kết cấu, trợ từ động thái, trợ từ ngữ khí như: “了”, “著”, “過”, “的”, “地”, “得”, “吧”, “嗎”, “呢”, “啊” đều được đọc với thanh nhẹ.

Ví dụ: 算了吧

/suàn le ba/

thôi vậy!

說過的話

/shuō guò de huà/

lời anh ấy nói

看著我

/kàn zhe wǒ/

nhìn tôi

我的錢包

/wǒ de qián bāo/

ví tiền của tôi

高興地說

/gāo xìng de shuō/

nói một cách hưng phấn

走得快

/zǒu de kuài/

đi rất nhanh

我們走吧!

/wǒ men zǒu ba !/

chúng ta đi thôi!

你吃飯了嗎?

/nǐ chī fàn le ma ?/

anh ăn cơm chưa?

你在做什麼 /nǐ zài zuò shén me *anh đang làm gì vậy?*
 呢? ne ?/
 好冷啊! /hǎo lěng a !/ *lạnh quá đi thôi!*

b2) Các từ chỉ phương vị như: “上”, “下”, “裡”, “邊”, “面”, các bộ ngữ chỉ xu hướng đơn, xu hướng kép như: “來”, “去”, “出來”, “出去”, “起來”, “進去” đều được đọc thành thanh nhẹ.

Ví dụ:

上邊	/shàng bian/	<i>bên trên</i>
下邊	/xià bian/	<i>bên dưới</i>
裡邊	/lǐ bian/	<i>bên trong</i>
外邊	/wài bian/	<i>mặt ngoài</i>
前面	/qián mian/	<i>phía trước</i>
走過來	/zǒu guò lai/	<i>đi đến</i>
上去	/shàng qu/	<i>lên (đâu đó)</i>
整理出來	/zhěng lǐ chū lai/	<i>chỉnh lý ra</i>
你出去	/nǐ chū qu/	<i>anh ra ngoài</i>
拿起來	/ná qǐ lai/	<i>cầm lên</i>
有人進去	/yǒu rén jìn qu/	<i>có người đi vào</i>

b3) Các hậu tố ở các danh từ như là: “們”, “子”, “兒”, “頭”, “吧”, “麼” đều được đọc với thanh nhẹ.

Ví dụ:

我們	/wǒ men/	<i>chúng tôi</i>
他們	/tā men/	<i>bọn họ</i>
桌子	/zhuō zi/	<i>cái bàn</i>
椅子	/yǐ zi/	<i>cái ghế</i>
瓶子	/píng zi/	<i>cái chai</i>
褲子	/kù zi/	<i>cái quần</i>
蘋果兒	/píng guǒ(r)/	<i>quả táo (cách nói Bắc Kinh)</i>
花兒	/huā(r)/	<i>bông hoa (cách nói Bắc Kinh)</i>
上頭	/shàng tou/	<i>bên trên</i>
裡頭	/lǐ tou/	<i>bên trong</i>

石頭	/shí tou/	<i>hòn đá</i>
木頭	/mù tou/	<i>khúc gỗ</i>
好吧	/hǎo ba/	<i>được thôi</i>
對吧	/duì ba/	<i>đúng không?</i>
尾巴	/wěi ba/	<i>cái đuôi</i>
什麼	/shén me/	<i>gì, cái gì</i>
怎麼	/zěnn me/	<i>thế nào</i>
那麼	/nà me/	<i>như vậy, vậy thì</i>

b4) Các yếu tố thứ hai của danh từ trùng điệp hoặc yếu tố thứ hai của động từ trùng điệp luôn được đọc thành thanh nhẹ.

Ví dụ:	姥姥	/lǎo lao/	<i>bà ngoại</i>
	看看	/kàn kan/	<i>xem thử</i>
	瞧瞧	/qiáo qiao/	<i>xem thử</i>
	問問	/wèn wen/	<i>hỏi thử</i>

b5) Một số lượng từ thường được đọc thành thanh nhẹ.

Ví dụ:	這個	/zhè ge/	<i>cái này</i>
	那個	/nà ge/	<i>cái kia</i>
	一個	/yí ge/	<i>một cái</i>

b6) Yếu tố thứ hai trong một số từ song âm tiết được đọc với thanh nhẹ.

Ví dụ:	明白	/míng bai/	<i>rõ ràng, minh bạch</i>
	朋友	/péng you/	<i>bạn bè</i>

b7) Đại từ nhân xưng đứng ở vị trí tân ngữ cũng thường được đọc với thanh nhẹ.

Ví dụ:	找你	/zhǎo nǐ/	<i>tìm anh</i>
	看望我	/kàn wàng wo/	<i>đi thăm tôi</i>

Thanh nhẹ là một loại biến điệu chỉ có thể xuất hiện trong dòng lời nói, trong từ, và trong câu, không thể tồn tại độc lập. Khi đứng đơn lẻ một mình chúng vẫn giữ nguyên trường độ và âm sắc vốn có.

Nguyên nhân quan trọng nhất của những kiểu lỗi này là do trong tiếng Việt, âm tiết nào mang thanh điệu nào thì cứ đọc thanh điệu đó, đây là một thói quen. Khi học ngữ âm THHĐ, người Việt đem

thói quen này từ tiếng mẹ đẻ để chuyển di sang THHĐ dẫn tới mắc lỗi.

Tóm lại, ngoài những lỗi về nhầm lẫn một số thanh điệu của tiếng Việt với một số thanh điệu trong THHĐ do những sai lạc về thị giác và thính giác đưa lại thì lỗi về các hiện tượng ngôn điệu của người Việt Nam còn gồm những loại lỗi nổi bật sau:

Một là, lỗi không thực hiện biến điệu thanh 3, nguyên nhân chủ yếu là do tiếng Việt không có hiện tượng “liên biến thanh” giống như THHĐ, do đó dẫn đến người Việt khi học THHĐ khi vừa bắt đầu chưa hình thành tư duy ngữ điệu liên tục trong phát âm tiếng Hoa, từ đó phát âm có phần thiếu tự nhiên hoặc dẫn đến hiểu lầm trong giao tiếp.

Hai là, lỗi phát âm sai biến điệu của “—” (yī), ví dụ như khi học từ 一個, thì người học thông thường sẽ phát âm là /yī gè/ thay vì /yí gè/, nguyên nhân chính là do xuất phát từ thói quen ghi nhớ mặt chữ mà không kết hợp với ngữ cảnh thanh sau (tức âm tiết đứng phía sau). Chúng tôi cho rằng, để giải quyết vấn đề này có thể thông qua “nguyên tắc đồng hóa thanh điệu” và mô phỏng luyện cặp từ, ví dụ như từ việc phát âm 一個, người dạy cho phát âm các cặp từ có cùng nguyên lý phát âm, ví dụ: 一定 đọc là /yí dìng/ (nhất định); 一寸 đọc là /yí cùn/ (một inch); 一樣 /yí yàng/ (như nhau), các dạng thức biến âm khác của 一 cũng mô phỏng theo nguyên tắc trên.

Ba là, lỗi phát âm sai biến điệu của “不 (bù)”, ví dụ như người Việt khi học từ vựng “不是” thì thường “bù shì” chứ không đọc đúng là “bú shì”. Nguyên nhân dẫn đến lỗi sai này là do trong tiếng Việt không có biến đổi thanh dựa vào thanh kế tiếp, nên người học giữ nguyên hình thức chữ viết, tức là thấy sao đọc vậy. Một trong những hướng giải quyết vấn đề này áp dụng quy tắc ngắn gọn trong giảng dạy: trước trình bày rõ nguyên lý biến âm, sau đó dựa trên nguyên lý biến âm dạy học, sau đó kèm

theo bài tập so sánh tối thiểu (minimal pairs), ví dụ 不是 bú shì ↔ 不行 bù xíng

Bốn là, lỗi phát âm sai biến điệu của số lượng thanh 3 kết hợp với nhau, ví dụ như người học phát âm tách rời âm tiết, như “你好” đọc là /nǐ hǎo/ thay vì /ní hǎo/. Chúng tôi cho rằng, nguyên nhân chính dẫn đến vấn đề này là vì người Việt học THHĐ thiếu nhận thức về “ngữ lưu” và “nhấn trọng âm” trong từ hai âm tiết hoặc nhiều âm tiết kết hợp với nhau. Theo chúng tôi, giải pháp giải quyết vấn đề này là luyện theo cụm từ, sử dụng kỹ thuật shadowing (bắt chước giọng bản ngữ) và phân tích sóng âm để cảm nhận biến đổi cao độ (mặc dù phương pháp này có độ thách thức cao).

Năm là, lỗi ngữ điệu tổng thể của câu (句調錯誤), lý do chính dẫn đến vấn đề này là người Việt khi học THHĐ có thói quen khi biểu đạt câu tiếng Hoa rời rạc, không có độ cao – thấp – kéo dài đặc trưng của ngữ điệu. Chúng tôi cho rằng, để khắc phục vấn đề này là thường xuyên luyện ngữ điệu câu qua mô hình phân đoạn ngữ lưu (prosodic phrasing), kết hợp với thị giác hóa thanh điệu bằng phần mềm Praat.

Sáu là, lỗi về thể hiện sự biến điệu của thanh nhẹ. Sở dĩ người Việt học THHĐ dễ mắc lỗi về sự biến điệu của thanh nhẹ là vì trong tiếng Việt không có hiện tượng thanh nhẹ, cho nên người Việt khi học THHĐ thường phát âm quá mạnh hoặc giữ nguyên thanh điệu gốc của tiếng Việt để phát âm tiếng Hán. Để khắc phục vấn đề này, chúng tôi đề xuất người học nên nghe nhiều mẫu phát âm chuẩn của người bản xứ, chú ý đến sự

giảm cường độ và độ ngắn của âm tiết nhẹ. Bên cạnh đó, nên luyện nói trong ngữ cảnh tự nhiên, kết hợp ghi âm và đối chiếu với mẫu chuẩn để điều chỉnh dần cách phát âm.

2.3. Hướng khắc phục

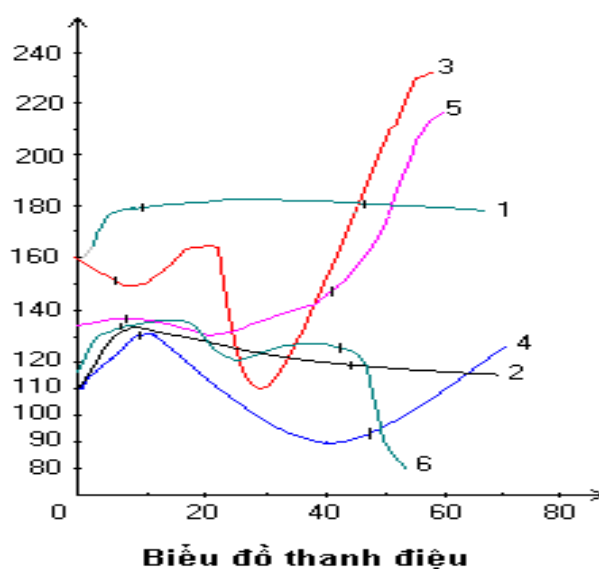
Theo chúng tôi, khi giảng dạy THHĐ cho người Việt, trước hết cần giúp học viên nhận thức rõ về điểm đại đồng tiểu dị giữa hai ngôn ngữ (trong đó có cả ngữ âm). Chúng tôi cho rằng, điều này vô cùng quan trọng, bởi vì người học sẽ có xu hướng dùng điểm tương đồng của tiếng mẹ đẻ để học tập và xây dựng nền tảng cho ngoại ngữ hai cùng loại hình. Vì thế mà dẫn đến hệ quả mô phỏng cứng nhắc. Kế đến, củng cố nhận thức hệ thống bằng cách thông qua phương pháp đối chiếu Biểu đồ thanh điệu tiếng Việt (6 thanh) và Biểu đồ thanh điệu tiếng Hoa (4 thanh), mục đích là chỉ ra mặt thuận lợi của hiện tượng

chuyển di tích cực và điểm bất lợi của hiện tượng chuyển di tiêu cực. Thông qua cách so sánh như vậy, người học sẽ dễ dàng thấy được điểm khác biệt một cách trực quan hơn. Sau đó là quá trình nhận dạng: thông qua kiến thức ở giai đoạn nhận thức hệ thống tiến hành thực hành qua bài học, để hình thành phản xạ có điều kiện ngôn ngữ thứ 2. Cuối cùng là sản xuất kết quả, thông qua thực hành nghe - nói - đọc - viết để tăng cường khả năng thực hành, nhằm mục đích khắc sâu kiến thức từ quá trình nhận dạng, từ đó người học THHĐ thực hành tự nhiên theo tính lí do, chứ không phải “biết kết quả nhưng không biết lý do” (知其然而不知其所以然).

Để khắc phục kiểu lỗi về hiện tượng biến điệu cho người Việt khi học THHĐ, chúng tôi đề xuất mô hình giảng dạy (bảng 1):

Bảng 1: Đề xuất mô hình giảng dạy khắc phục lỗi về hiện tượng biến điệu cho người Việt khi học tiếng Hán hiện đại

Giai đoạn	Nội dung	Phương pháp	Kết quả mong đợi
1. Nhận thức ngữ âm học	Giới thiệu quy luật biến điệu bằng sơ đồ và kèm theo ví dụ	Dùng bảng đối chiếu, đồ thị thanh điệu	Người học hiểu được “vì sao” xảy ra hiện tượng biến điệu
2. Luyện nghe và mô phỏng	Nghe bản mẫu chuẩn, chú ý thanh điệu biến đổi	Shadowing, Minimal Pair	Tăng khả năng nhận diện âm thanh
3. Luyện nói có phản hồi	Ghi âm – phân tích – so sánh đường cao độ	Sử dụng Praat hoặc app AI luyện phát âm	Tự điều chỉnh phát âm
4. Luyện giao tiếp ngữ cảnh thực	Luyện trong ngữ cảnh hội thoại thực tế	Hoạt động đóng vai, mô phỏng hội thoại	Thanh điệu tự nhiên, chuẩn xác
5. Củng cố bằng tự học kỹ thuật số	Dùng phần mềm luyện phát âm (Pinyin Trainer, Speechling, Glossika)	Học cá nhân hóa	Giữ vững khả năng ngữ âm chuẩn



Hình 3: Biểu đồ thanh điệu tiếng Việt (Đoàn Thiện Thuật, 1980, tr. 106)

3. Kết luận

Theo chúng tôi, có bốn nguyên nhân dẫn đến lỗi về thanh điệu và hiện tượng ngôn điệu của người Việt khi học ngữ âm THHĐ. *Thứ nhất*, ảnh hưởng của hệ thống thanh tiếng Việt: Tiếng Việt có 6 thanh, nhưng mang tính cố định âm vị, không có biến điệu trong chuỗi lời nói. Người học quen với việc “mỗi âm – một thanh”. *Thứ hai*, ảnh hưởng của chữ viết Latin: Thanh điệu trong tiếng Việt được ký hiệu rõ ràng bằng dấu (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, khinh thanh), khiến người học có xu hướng coi thanh điệu là phần cố định không thay đổi. *Thứ ba*, thiếu mô hình nhận thức ngữ âm (phonological awareness): người Việt khi học THHĐ ghi nhớ âm tiết tách biệt, thiếu khả năng cảm nhận ngữ điệu toàn câu. *Thứ tư*, phương pháp giảng dạy truyền thống: Tập

trung vào từ vựng và ngữ pháp, chưa chú trọng huấn luyện phát âm theo ngữ lưu.

Có thể nói rằng, thanh điệu và hiện tượng biến điệu của THHĐ phản ánh đặc trưng của một hệ thống thanh điệu linh hoạt và giàu tính liên kết ngữ âm. Đối với người Việt học THHĐ, việc không nắm vững hệ thống thanh điệu và quy tắc biến điệu không chỉ ảnh hưởng đến khả năng phát âm chuẩn, gây ra hiểu nhầm mà còn cản trở hiểu biết ngữ dụng và ngữ cảm Hán ngữ. Do đó, quá trình giảng dạy cần chuyển từ “học từng âm tiết riêng lẻ” sang “học chuỗi ngữ điệu tự nhiên”, đồng thời tích hợp phương pháp đối chiếu ngôn ngữ, ứng dụng công nghệ, và luyện ngữ điệu có phản hồi. Chỉ khi người học hiểu – nghe – nói – cảm được biến điệu, họ mới thật sự đạt đến phát âm tự nhiên như người bản ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đoàn Thiện Thuật. (1980). *Ngữ âm tiếng Việt*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Hoàng Thị Châu. (1989). *Tiếng Việt trên các miền đất nước (phương ngữ học)*. Nxb Khoa học Xã hội.

劉廣徽。漢語普通話語音教程（2002）。北京語言大學出版社。
新華正音詞典（2003）。商務印書館。

TONAL ERRORS OF VIETNAMESE LEARNERS IN MODERN CHINESE

*Dao Manh Toan*¹

*Le Hong Chao*²

*Huynh Ngoc Tuyet Cuong*³

¹Dong Nai University

²National I-Shou University, Taiwan

³Wenzao Ursuline University of Languages, Taiwan

*Corresponding author: Dao Manh Toan - Email: toan.daomanh@gmail.com

(Received: 13/10/2025, Revised: 21/10/2025, Accepted for publication: 24/10/2025)

ABSTRACT

Vietnamese and Modern Chinese belong to the same typological family, sharing a number of similarities in phonology, vocabulary, and grammar. However, certain structural differences also exist between the two languages. These differences have posed specific challenges for Vietnamese learners of Chinese as a foreign language. This study provides a preliminary overview of the common phonetic errors encountered by Vietnamese learners when studying Modern Chinese phonology, focusing particularly on tonal errors and prosodic phenomena. It further analyzes the underlying causes of these errors and proposes practical corrective strategies to enhance the effectiveness of teaching and learning Modern Chinese phonetics among Vietnamese learners.

Keywords: *Modern Chinese phonetics, tone errors, tone sandhi phenomena, intonation, Vietnamese learners*